

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

ban hành kèm quyết định số 2058a/QĐ-ĐHTL ngày 25 tháng 09 năm 2017

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			45									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			12									
1	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	ITL112	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin I	Basic Principles of Marxist Leninism I	IDEO111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
3	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin II	Basic Principles of Marxist Leninism II	IDEO122	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3		3							
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	IDEO243	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2			2						
5	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Vietnam Communist Party's Revolution Line	IDEO234	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	3				3					
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
6	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COPS111	Phát triển kỹ năng	3	3								
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			22									
	Tin học văn phòng	Microsoft Office	MO111	Tin học và kỹ thuật tính toán	3	3								
7	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
9	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
10	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH232	Toán học	2		2							
11	Hóa đại cương I	General Chemistry I	CHEM112	Hóa học	3		3							
12	Vật lý I	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3		3							
13	Vật lý II	Physics 2	PHYS223	Vật lý	3			3						
14	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH253	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			8									
15	Tiếng Anh I	English 1	ENGL111	Tiếng Anh	2	2								
16	Tiếng Anh II	English 2	ENGL122	Tiếng Anh	3		3							
17	Tiếng Anh III	English 3	ENGL233	Tiếng Anh	3			3						
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	4*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			100									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	Foundation Subjects			22									
18	Cơ học cơ sở I	Engineering Mechanics 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3			3						
19	Đồ họa kỹ thuật I	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
20	Cơ học cơ sở II	Engineering Mechanics 2	MECH224	Cơ học kỹ thuật	3				3					
21	Sức bền vật liệu I	Strength of Materials 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
22	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3				3					
23	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
24	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
25	Cơ học kết cấu I	Mechanics of Engineering Structures 1	CE315	Sức bền - Kết cấu	3					3				
26	Cơ học kết cấu II	Mechanics of Engineering Structures 2	CE326	Sức bền - Kết cấu	2						2			
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			24									
27	Địa chất công trình	Engineering Geology	GEOT214	Địa kỹ thuật	2				2					
28	Thực tập địa chất công trình	Practice of Engineering Geology	GEOT224	Địa kỹ thuật	1					1				
29	Thủy văn công trình	Engineering Hydrology	HYDR346	Thủy văn và tài nguyên nước	3					3				
30	Cơ học đất	Soil Mechanics	GEOT325	Địa kỹ thuật	3					3				
31	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật công trình	Applied Informatic in CE	AICE417	Kết cấu công trình	2					2				
32	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3					3				
33	Động lực học công trình	Dynamics of Structures	CE467	Sức bền - Kết cấu	2						2			
34	Nền móng	Foundation Engineering	GEOT317	Địa kỹ thuật	2						2			
35	Đồ án nền móng	Project Of Foundation Engineering	GEOT327	Địa kỹ thuật	1						1			
36	Máy xây dựng	Building Equipment	BUEQ417	Máy xây dựng	3							3		
37	Đánh giá tác động môi trường	Environment Impact Assessment	ENV316	Quản lý môi trường	2						2			
II.3	Kiến thức ngành	Core Area Subjects			10									
38	Kinh tế xây dựng I	Construction Economics 1	CECON316	Quản lý xây dựng	2					2				
39	Kết cấu bê tông cốt thép	Reinforced Concrete Structures	CEI485	Kết cấu công trình	3						3			
40	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	Project of Reinforced Concrete Structures	CE487	Kết cấu công trình	1						1			

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
	Tổng cộng (I + II)	Total			145	15	17	15	17	17	19	20	18	7